TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phú**

Bản án số: 14/2026/DS- ST
Ngày: 20/3/2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Minh V
Các Hội thẩm nhân:
- Ông Hoàng Triệu N
- Ông Nguyễn Văn S

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bích T - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4- Quảng Ngãi.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 4- tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2025/TLST- DS, ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST- DS, ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông T Đ
Địa chỉ: Thôn Phước An, xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ánh T
Cùng địa chỉ: Thôn Phước An, xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lâm Thị N
Địa chỉ: Thôn Phước An, xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2025, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông T Đ trình bày*:

Ông và vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ánh Tlà xóm làng. Vào ngày 11 tháng 11 năm 2021 ông Tam, bà Tuyết cần tiền làm ăn, biết ông có khoảng tiền mới bán keo nên ông Tam, bà Tuyết có đến nhà ông hỏi mượn số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và hứa 04 tháng sau sẽ trả cho ông. Khi đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông Tam, bà Tuyết không trả nợ cho ông mặt dù ông đã nhiều lần đến hỏi nợ.

Nay ông cần tiền để lo trang trải việc gia đình nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 4- Quảng Ngãi buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh Tam, bà Nguyễn Thị Ánh Ttrả cho ông số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

* *Bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ánh T trình bày:* Vợ chồng ông bà hàng xóm của ông T Đ. Ông, bà được biết ông Đ có tiền nên vào ngày 11/11/2021 ông bà có đến nhà ông Đ để mượn số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và hứa trong thời gian 04 tháng ông bà sẽ trả lại số tiền cho ông Đ. Trong thời gian mượn tiền thì ông bà có trả cho ông Đ 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Do điều kiện khó khăn nên ông bà chưa có tiền trả số tiền còn lại cho ông Đ. Nay ông Đ khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông bà trả 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) ông bà đồng ý.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N trình bày:* Bà là mẹ của vợ chồng ông Nguyễn Thanh Tam, bà Nguyễn Thị Ánh Tcùng là hàng xóm của ông T Đ. Được biết ông Đ có tiền nên vào ngày 11/11/2021 vợ chồng ông Tam, bà Tuyết có đến nhà ông Đ để mượn số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng)* và hứa trong thời gian 04 tháng vợ chồng sẽ trả lại số tiền cho ông Đ, bà là người có cam kết nếu ông Tam, bà Tuyết không trả cho ông Đ thì bà sẽ trả thay cho ông Đ. Do điều kiện khó khăn nên vợ chồng ông Tam, bà Tuyết chưa có tiền trả số tiền còn lại cho ông Đ. Nay ông Đ khởi kiện đến Tòa án yêu cầu vợ chồng ông Tam, bà Tuyết trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) thì bà đồng ý và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông T Đ; bị đơn ông Nguyễn Thanh Tam, bà Lê Thị Ánh Tuyết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Về giấy mượn tiền:

Theo giấy mượn tiền nguyên đơn giao nộp các ngày 11/11/2021 không có thỏa thuận về lãi suất nhưng có thời hạn trả nợ. Theo quy định tại các Điều 463;

466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*)

Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền vào ngày 11/11/2021 là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Trong giấy mượn tiền có thể hiện nội dung ông Nguyễn Thanh Tam, bà Lê Thị Ánh Tuyết có mượn của ông T Đ với số tiền 30.000.000 đồng trong thời gian 04 tháng ông Tam, bà Tuyết sẽ hoàn trả số tiền cho ông Đ. Theo ông Đ do đến thời gian trả nợ nhưng ông Tam, bà Tuyết không trả nên ông Đ khởi kiện. Ông Tam, bà Tuyết thừa nhận có nợ ông Đ số tiền 30.000.000 đồng nhưng chưa có điều kiện để trả nợ. Vì vậy, ông Đ yêu cầu ông Tam, bà Tuyết trả số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Ông Đ không yêu cầu ông Tam, bà Tuyết trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh Tam, bà Lê Thị Ánh Tuyết phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Ông T Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và ông là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T Đ.

Buộc ông Nguyễn Thanh Tvà bà Lê Thị Ánh Tuyết phải trả cho ông T Đ số tiền 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)* nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ Đng ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông T Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh Tam, bà Lê Thị Ánh Tuyết phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 4;
-THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Trưởng **Lê Thanh Sơn** **Phạm Minh Vương**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Vương